

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ - ĐỊA CHẤT
KHOA CÔNG NGHỆ THÔNG TIN
-----o0o-----

BÁO CÁO SINH HOẠT HỌC THUẬT
HỌC KÌ 2 NĂM HỌC 2023 - 2024

**ĐỀ TÀI: DỮ LIỆU CÁ NHÂN - NÊN XEM XÉT LÀ HÀNG
HOÁ HAY KHÔNG DƯỚI GÓC TIẾP CẬN TỪ QUẢN TRỊ
NGUỒN LỰC THÔNG TIN**

Người thực hiện: Phạm Thị Nguyệt
Đơn vị: Bộ môn Tin học Kinh tế

Hà Nội 2024

Mục lục

1. Cách tiếp cận.....	3
1.1. Cách tiếp cận	3
1.2. Đặt vấn đề	3
2. Dữ liệu cá nhân	7
2.1. Dữ liệu cá nhân là gì.....	7
2.2. Vai trò của dữ liệu cá nhân	7
2.3. Tầm quan trọng dữ liệu cá nhân trong kỷ nguyên số.....	9
2.4. Khái niệm hàng hoá.....	10
3. Dưới góc độ quản trị nguồn lực, các yếu tố để dữ liệu cá nhân trở thành hàng hóa.10	
3.1. Giá trị quan trọng của dữ liệu cá nhân.	11
3.2. Các hình thức thương mại hoá dữ liệu cá nhân.....	12
3.2. Bản chất tài sản của dữ liệu cá nhân qua phân tích quy định pháp luật.....	13
3.3 Dữ liệu cá nhân qua theo góc nhìn pháp luật Việt Nam.	15
3.4. Giá trị của dữ liệu cá nhân - hợp đồng mua bán dữ liệu cá nhân.	19
4. Pháp lý biến dữ liệu cá nhân thành hàng hoá.....	21
4.1 Một số khung pháp lý trên thế giới về bảo vệ dữ liệu cá nhân.	21
4.1.1. Khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Liên minh Châu Âu.	21
4.1.2. Khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Hoa Kỳ.	24
4.1 Khung pháp lý của Việt Nam về bảo vệ dữ liệu cá nhân.....	27
5. Đề xuất, kiến nghị.	27
5.1. Kiến nghị.....	27
5.2. Đề xuất về một số vấn đề mở để hoàn thiện luật bảo vệ dữ liệu cá nhân.....	33
KẾT LUẬN.....	35
Tài liệu tham khảo.....	36

1. Cách tiếp cận

1.1. Cách tiếp cận

Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đã đem đến cho con người vô vàn công nghệ mới. Công nghệ kỹ thuật số được tập trung phát triển và đã trải qua những bước tiến vượt bậc lên một cấp độ hoàn toàn mới với sự trợ giúp của kết nối thông qua Internet vạn vật (Internet of Things - IoT), truy cập dữ liệu thời gian thực và giới thiệu các hệ thống vật lý không gian mạng. Tại Việt Nam, tuy có phần chậm trễ, nhưng quá trình này đang diễn ra mạnh mẽ và đặt ra một nhu cầu nhìn nhận dữ liệu số như một loại tài sản, nhằm tạo ra hành lang pháp lý giúp các chủ thể sử dụng dữ liệu một cách phù hợp, trong đó dữ liệu cá nhân cũng không phải là ngoại lệ. Tuy nhiên, sự “ra đời” của Nghị định 13/2023/NĐ-CP đã thể hiện tương đối rõ quan điểm của nhà nước rằng, dữ liệu cá nhân đang được nhìn nhận như là đối tượng của quyền nhân thân, tức gắn liền với mỗi cá nhân và không thể chuyển giao cho người khác.

Trong bài nghiên cứu này, tác giả sẽ phân tích theo cách tiếp cận về quản trị nguồn lực, đưa ra một góc nhìn khác về dữ liệu cá nhân, nêu ra những luận điểm chứng minh dữ liệu cá nhân nên được nhìn nhận như là một tài sản đích thực, thêm vào đó chỉ ra sự hiện hữu của thị trường dữ liệu cũng như các giao dịch mua, bán dữ liệu cá nhân, phân tích chúng dưới góc độ thương mại để trả lời cho câu hỏi: “Dữ liệu cá nhân có nên được xem là hàng hóa không?” Từ đó nêu ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện chính sách, tạo điều kiện cho các chủ thể dữ liệu tối đa giá trị mà dữ liệu cá nhân đem lại.

1.2. Đặt vấn đề

Công nghệ máy tính hiện đại và sự bùng nổ của mạng Internet ở Việt Nam xuyên suốt thập kỷ qua đã tạo ra một khả năng thu thập, xử lý và chia sẻ một lượng dữ liệu khổng lồ. Với lượng lớn dữ liệu đó, bao gồm cả dữ liệu cá nhân (DLCN) - được xem là một loại “tài nguyên” của nền kinh tế số, đã trở thành “món hàng” của việc giao dịch, buôn bán trên không gian mạng. Việc mua, bán DLCN có thể mở ra một cánh cửa mới cho sự giàu có của các chủ thể tham gia vào quan hệ mua, bán.

Tuy vậy, từ thực tế cho thấy, hiện nay, dường như hoạt động giao dịch này đang trở nên “nóng” hơn bao giờ hết bởi những hậu quả tiêu cực mà nó mang lại. Việc mua, bán tùy tiện DLCN mà không có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu đã trực tiếp xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của họ. Đời sống riêng tư bị ảnh hưởng, bí mật cá nhân bị tiết lộ, công việc, cuộc sống bị quấy nhiễu bởi những tin nhắn nặc danh, những cuộc điện thoại làm phiền... Từ thực trạng trên, với mục đích bảo vệ quyền lợi của người dân và ngăn chặn hành vi mua bán bừa bãi DLCN, các quốc gia trên thế giới đã ban hành những quy định về bảo vệ DLCN. Để bắt kịp xu hướng này, Việt Nam hiện nay cũng đã có quy định về bảo vệ DLCN, tuy nhiên những quy phạm chính thức về vấn đề này chỉ mới được đề cập ở Nghị định 13/2023/NĐ-CP. Tác giả nhận thấy rằng, có thể vẫn còn những thiếu sót đối với cơ chế bảo vệ DLCN, đặc biệt là quy định cấm tuyệt đối mua bán loại dữ liệu này dưới mọi hình thức (khoản 4 Điều 3 Nghị định 13/2023/NĐ-CP). Trong khi DLCN có đầy đủ các đặc điểm của tài sản, mang lại giá trị vật chất, kinh tế. Vì thế, có nên được nhìn nhận dưới dạng là một loại tài sản hay không để từ đó nâng cao nhận thức của mọi người về tầm quan trọng của dữ liệu cá nhân cũng như có thể đưa chúng vào các giao dịch, đặc biệt là việc mua bán DLCN trong hoạt động thương mại, đưa DLCN trở thành một đối tượng của hợp đồng mua bán hàng hóa.

Trên thế giới, vấn đề DLCN và quyền riêng tư là một vấn đề không quá mới, được rất nhiều nhà học giả quan tâm và đầu tư nghiên cứu. Hầu hết các học giả đều đồng ý rằng DLCN vẫn được trao đổi, mua, bán nhưng phải đáp ứng một số nguyên tắc. Một số ý kiến nổi bật của các học giả:

Zelianin (2022) đã chỉ ra rằng DLCN là tài sản cực kỳ quý giá đối với bất kỳ công ty nào muốn bán sản phẩm cho khách hàng và nhấn mạnh rằng “*Dữ liệu có giá trị vô cùng lớn từ góc độ thương mại vì chúng cho phép thu được lợi nhuận đáng kể lợi thế trên thị trường và giành chiến thắng trong cuộc cạnh tranh*”.

De Franceschi and Lehmann (2015) cũng thừa nhận rằng “*Việc nhận thức bảo vệ dữ liệu cá nhân như một loại hàng hoá đã phổ biến rộng rãi ở Ý*”. Họ phân tích rằng một điều khoản pháp lý rõ ràng là không cần thiết để hỗ trợ việc chứng minh

thông tin là một loại hàng hóa và rất rõ ràng khi DLCN được xem là một loại tài sản vô hình.

Cùng quan điểm với các học giả kể trên là Bartow (1999) khi bà phát biểu rằng “*Chúng ta phải khẳng định rằng dữ liệu, thông tin cá nhân của một người là tài sản trí tuệ của người đó*”.

Cùng với cách tiếp cận như vậy, Prins (2006) cũng chỉ ra rằng: “*Thông tin (bao gồm cả thông tin cá nhân) được coi là một loại hàng hóa có thể được giao dịch để đổi lấy chiết khấu trên thị trường ảo, siêu thị hoặc một số lợi ích khác, chẳng hạn như quyền truy cập vào một dịch vụ trực tuyến nhất định*”. Metzger (2020) cũng đã đề cập đến DLCN như một loại tài sản và đã chỉ ra rằng: “*Với cách tiếp cận của DCSD, người tiêu dùng cung cấp dữ liệu cá nhân của mình để trao đổi lấy dịch vụ sẽ có các lợi ích tương tự như trao đổi lấy tiền*”.

Tuy vậy, cũng có những học giả bày tỏ sự phản đối với việc hợp pháp hóa mua bán DLCN. Điển hình là Janeček and Malgieri (2020), họ cho rằng “*Thương mại hoá dữ liệu cá nhân nên bị luật pháp hạn chế vì một số dữ liệu thể hiện các giá trị và lợi ích (đặc biệt là phẩm giá con người) có thể bị ảnh hưởng bất lợi bởi thương mại*.” Nhìn chung, vẫn còn tồn tại nhiều luồng quan điểm khác nhau về tính thương mại của DLCN và chưa có quan điểm thống nhất, nhưng lợi ích kinh tế của DLCN đem lại nếu như đưa nó vào mua, bán, trao đổi là không thể phủ nhận.

Vấn đề về bảo vệ DLCN không chỉ là mối quan tâm hàng đầu của các nước trên thế giới trong thời đại tiên tiến ngày nay, mà nó cũng là một vấn đề vô cùng “nóng bỏng” tại Việt Nam. Đây là một lĩnh vực đã và đang phát triển nhanh chóng trong bối cảnh ngày càng gia tăng của việc thu thập, lưu trữ và sử dụng DLCN trong các hoạt động kinh tế, pháp luật và xã hội. Việc xem DLCN nói riêng và dữ liệu số nói chung là một loại tài sản vẫn còn đang là một đề tài khá mới mẻ và chỉ bắt đầu nhận được sự quan tâm, chú ý trong vài năm trở lại đây. Tính đến thời điểm hiện tại, tình hình nghiên cứu về vấn đề DLCN dưới góc độ là tài sản ở Việt Nam vẫn chưa thực sự rõ ràng và toàn diện bởi nguồn thông tin có hạn. Tuy nhiên, vấn đề này cũng đã và đang thu hút sự quan tâm và nghiên cứu đông đảo từ cộng đồng chuyên gia và các tổ chức pháp lý liên quan tại Việt Nam thông qua các báo cáo, nghiên cứu nổi bật của

một số học giả. Bởi lẽ, trong thực tế việc nghiên cứu về đề tài này đang được phân chia thành hai hướng chính, trong khi một số học giả như Bạch Thị Nhã Nam (2022) hay Vũ Công Giao (2020) dường như đều tán thành ý tưởng thứ nhất khi cho rằng DLCN trong pháp luật Việt Nam nên được xây dựng và hoàn thiện theo những quy định, chuẩn mực của GDPR với thiên hướng xem quyền đối với DLCN là quyền nhân thân (một quyền bất khả xâm phạm và không thể chuyển giao cho người khác của con người) và nên được pháp luật bảo vệ một cách chặt chẽ hơn thay vì là một loại tài sản có thể trao đổi, mua bán theo lẽ thông thường.

Ngược lại, Chu Thị Hoa lại cho rằng chúng ta cần nên thay đổi cách tiếp cận, từ chỗ coi quyền bảo vệ DLCN đơn giản chỉ là quyền nhân thân thuần túy sang tư duy nhận thức mới, khai thác giá trị kinh tế từ DLCN và xem nó như một loại tài sản phi truyền thống (Son L., 2021). Cũng tương tự cách tiếp cận như vậy, Tứ, H. T. (2022) đã chỉ ra rằng việc chuyển đổi số đặt ra yêu cầu cần phải coi dữ liệu như đối tượng của vật quyền và một khung pháp lý phù hợp để các cá nhân, tổ chức có thể sở hữu, tận dụng và trao đổi dữ liệu với nhau là điều cần thiết. Mặc dù vậy, pháp luật tại Việt Nam vẫn chưa đạt được sự đồng thuận về việc coi DLCN như tài sản cũng như chưa có quan điểm chung về việc áp dụng “cơ chế vật quyền” cho dữ liệu số. Trong bài viết của mình, để chứng minh cho quan điểm cần coi dữ liệu số là tài sản, tác giả đã khai thác các học thuyết pháp lý cũng như quy định của pháp luật hiện hành để nêu ra bản chất tài sản của dữ liệu số. Do đó, xem xét dữ liệu số là đối tượng của quyền sở hữu, các quyền tài sản khác và là tài sản theo pháp luật dân sự là có cơ sở.

Như vậy, nhìn chung, tại Việt Nam, song song cùng tồn tại hai quan điểm khác nhau về góc độ nhìn nhận DLCN: quyền nhân thân và quyền tài sản. Tuy vậy, dù xem xét dưới góc độ tài sản, thì các bài nghiên cứu hiện cũng đang dừng ở việc phân tích và chứng minh DLCN là một loại tài sản thực thụ cần được công nhận và quyền tài sản của chủ thể dữ liệu nên được cân nhắc, mà chưa bàn đến “tính thương mại” của DLCN, đưa chúng trở thành một hàng hóa có thể giao dịch, mua bán, lưu thông trên thị trường. Vì vậy, nhằm khai thác sâu hơn khía cạnh thương mại của loại dữ liệu này, bài nghiên cứu hướng đến việc chứng minh DLCN là một loại tài sản và

hoàn toàn có thể trở thành một hàng hóa đặc biệt trong các hợp đồng mua bán trong lĩnh vực thương mại.

2. Dữ liệu cá nhân

2.1. Dữ liệu cá nhân là gì

Kể từ khi con người phát minh ra máy tính, thuật ngữ “dữ liệu” xuất hiện và được dùng để chỉ các thông tin thuộc về máy tính như bytes, bits bên trong bộ nhớ của các thiết bị điện tử... Những dữ liệu này được lưu trữ hoặc truyền đi một cách nhanh chóng thông qua máy tính, điện thoại thông minh... Tuy nhiên, dữ liệu không chỉ gói gọn trong những gì liên quan đến máy tính, nó còn là các văn bản, chữ viết, những con số trên giấy tờ, hay thậm chí là những thông tin được lưu giữ trong não bộ của con người.

Trong thời đại công nghệ tiên tiến ngày nay, dữ liệu không những giúp ích cho việc xác minh, định dạng, phân tích... sự vật, sự việc mà nó còn mang lại nhiều giá trị kinh tế, đặc biệt là DLCN. DLCN là tất cả những thông tin, dữ kiện về một con người cụ thể, mang tính chất cá thể, để xác định, nhận dạng một cá nhân độc lập trong xã hội - chủ thể dữ liệu, những thông tin này có thể là tên, tuổi, giới tính, xuất thân, sở thích, thông tin liên lạc... của người đó, được thu thập, lưu trữ, xử lý, truyền tải... Dữ liệu này có thể tồn tại ở nhiều dạng như chữ viết, ký tự, âm thanh, hình ảnh, các con số... Theo GDPR, DLCN là bất cứ thông tin nào liên quan đến một thể nhân xác định hoặc có thể giúp xác định một thể nhân (chủ thể dữ liệu), một cách trực tiếp hay gián tiếp, cụ thể gồm những thông tin như tên, số định danh, vị trí, định danh trực tuyến hoặc các thông tin về thể chất, sinh lý, di truyền, tinh thần, kinh tế, văn hóa của thể nhân đó.

2.2. Vai trò của dữ liệu cá nhân

DLCN không chỉ có vai trò quan trọng đối với từng chủ thể dữ liệu trong các hoạt động thường ngày của mình, mà hơn thế nữa, nó còn là công cụ hữu hiệu để Nhà nước sử dụng với mục đích quản lý dân cư, giúp ổn định nền kinh tế - xã hội của đất nước. Bên cạnh đó, cùng với sự phát triển của thời đại, DLCN đã dần trở thành đối tượng phục vụ cho mục đích thương mại (Giao, V. C., & Tuyền, L. T. N., 2020), đem

lại những khoản lợi to lớn bởi những giá trị kinh tế mà nó mang lại. DLCN qua “bàn tay” của các chủ thể xử lý dữ liệu đã tạo ra cho nó giá trị sử dụng tiềm năng bởi chúng được thu thập, phân tích và kết hợp với nhau thành một kho dữ liệu khổng lồ bằng các phương tiện thuật toán (Nguyễn, D. K. T và cộng sự, 2021). Quá trình “tích tiểu thành đại” của từng DLCN nhỏ để tạo thành hệ thống dữ liệu to lớn đã nâng cao giá trị của loại dữ liệu này. Chính vì lẽ đó, DLCN đã trở thành “miếng mồi béo bở” cho các cá nhân, tổ chức có nhu cầu trục lợi. Vô số hồ sơ dữ liệu đã bị các tội phạm mạng đánh cắp, hoặc được “rao bán”, giao dịch mà không có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu.

Nhằm nhanh chóng đáp ứng nhu cầu bảo vệ “an toàn” đối với DLCN của người dân, “nối gót” các quốc gia phát triển trên thế giới, Việt Nam đã lần đầu tiên quy định chi tiết, cụ thể, rõ ràng những quy phạm pháp luật chặt chẽ nhằm bảo vệ DLCN tại Nghị định 13/2023/NĐ-CP. Nhìn lại trước đây, trước khi Nghị định 13/2023/NĐ-CP được ban hành, DLCN chưa được định nghĩa một cách cụ thể, mà chỉ được quy định rải rác ở các văn bản pháp luật khác, dù không chính xác định nghĩa, nhưng những khái niệm đó chia sẻ nhiều điểm tương đồng với DLCN, như trong BLDS 2015 quy định về *bảo đảm an toàn với thư tin, điện thoại, điện tín, cơ sở dữ liệu điện tử của cá nhân*, Luật An toàn thông tin mạng 2015 với định nghĩa về *thông tin cá nhân* - khá tương đồng với DLCN được quy định trong Nghị định 13/2023/NĐ-CP. Tuy nhiên, những quy định này chỉ mang tính chất chung chung, không trực tiếp đề cập đến vấn đề bảo vệ DLCN.

Với sự ra đời của Nghị định 13/2023/NĐ-CP, DLCN đã được định nghĩa một cách chính thức, là “*thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự trên môi trường điện tử gắn liền với một con người cụ thể hoặc giúp xác định một con người cụ thể*” (Khoản 1 Điều 2). Cụ thể, các nhà làm luật Việt Nam phân DLCN làm hai loại, bao gồm hai thuật ngữ “dữ liệu cá nhân cơ bản” và “dữ liệu cá nhân nhạy cảm”. DLCN cơ bản được liệt kê tại Nghị định là những thông tin căn bản nhất để xác định một con người cụ thể, những thông tin này thường được cá nhân sử dụng trong hầu hết các hoạt động trên môi trường điện tử của mình mà không phải quá lo ngại việc “lộ”, “lọt” những dữ liệu này sẽ tác động tiêu cực đến lợi ích của chính mình. Loại thứ hai, DLCN nhạy cảm, từ tên gọi cũng có thể hiểu, đó là

những thông tin có thể ảnh hưởng đến đời sống cá nhân, bí mật riêng tư của chủ thể, được gắn liền với quyền riêng tư của cá nhân mà khi bị xâm phạm sẽ gây ảnh hưởng trực tiếp tới quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể dữ liệu đó như: quan điểm tôn giáo, chính trị, chủng tộc, tình trạng bệnh lý, đặc điểm sinh học... của cá nhân. Chẳng hạn, dấu vân tay là DLCN nhạy cảm, vì nó không những được nhà nước sử dụng để định danh cá nhân trong căn cước công dân, chứng minh nhân dân, hộ chiếu với mục đích quản lý dân cư mà dấu vân tay được cá nhân sử dụng để bảo mật một số hoạt động của mình, được dùng làm mật khẩu để mở khóa tài khoản ngân hàng, các ứng dụng trên các thiết bị điện tử, máy chấm công, thẻ ra vào thang máy... Một khi dấu vân tay của cá nhân bị tội phạm công nghệ cao đánh cắp hoặc bị bên xử lý dữ liệu tiết lộ cho bên thứ ba không dựa trên sự đồng ý của chủ thể dữ liệu thì nguy cơ rất cao những quyền lợi hợp pháp của cá nhân đó sẽ bị xâm phạm nghiêm trọng.

2.3. Tầm quan trọng dữ liệu cá nhân trong kỷ nguyên số.

Trong kỷ nguyên số, dữ liệu cá nhân không chỉ là những thông tin riêng tư mà còn là tài sản vô cùng quý giá, có sức ảnh hưởng lớn đến cuộc sống cá nhân và xã hội. Dữ liệu cá nhân bao gồm mọi thứ từ thông tin cơ bản như tên, địa chỉ, ngày sinh, cho đến các thông tin nhạy cảm hơn như sở thích, hành vi mua sắm, lịch sử tìm kiếm trên internet, và thậm chí là dữ liệu sức khỏe. Trong thời đại công nghệ số, những dữ liệu này không chỉ giúp cá nhân hóa trải nghiệm người dùng trên các dịch vụ trực tuyến, mà còn giúp các tổ chức, doanh nghiệp hiểu rõ hơn về khách hàng của mình để cung cấp sản phẩm, dịch vụ tốt hơn.

Tuy nhiên, việc quản lý và bảo vệ dữ liệu cá nhân cũng đặt ra những thách thức lớn. Việc rò rỉ dữ liệu có thể dẫn đến nguy cơ mất quyền riêng tư, bị lợi dụng thông tin cá nhân vào mục đích xấu như lừa đảo, tấn công mạng. Vì vậy, việc bảo vệ dữ liệu cá nhân không chỉ là trách nhiệm của các tổ chức, doanh nghiệp mà còn là của mỗi cá nhân, thông qua việc tăng cường nhận thức về quyền riêng tư, áp dụng các biện pháp bảo mật thông tin cá nhân.

Đồng thời, với sự phát triển của các quy định và luật lệ về bảo vệ dữ liệu cá nhân như GDPR của Liên minh Châu Âu, việc tuân thủ các nguyên tắc và quy định về dữ liệu cá nhân đã trở thành yếu tố quan trọng không chỉ về mặt pháp lý mà còn

về mặt đạo đức kinh doanh. Điều này giúp tăng cường sự tin tưởng của người dùng vào các dịch vụ số, đồng thời nâng cao giá trị của dữ liệu cá nhân khi được sử dụng một cách minh bạch và có trách nhiệm.

2.4. Khái niệm hàng hoá.

Hàng hóa là một đối tượng vật chất có giá trị kinh tế và có thể được sở hữu, trao đổi và tiêu thụ.

Hàng hóa là một đối tượng vật chất có giá trị kinh tế.

3. Dưới góc độ quản trị nguồn lực, các yếu tố để dữ liệu cá nhân trở thành hàng hóa.

Các yếu tố biến dữ liệu cá nhân thành hàng hoá có thể được xem xét dưới nhiều góc độ khác nhau, từ công nghệ, xã hội, đến kinh doanh.

1. *Công nghệ thu thập và xử lý dữ liệu:* Sự phát triển của công nghệ đã làm cho việc thu thập, lưu trữ, phân tích, và chia sẻ dữ liệu cá nhân trở nên dễ dàng và hiệu quả hơn. Các công cụ và phần mềm tiên tiến cho phép tổ chức và doanh nghiệp thu thập lượng lớn dữ liệu cá nhân một cách nhanh chóng và chi phí thấp.

2. *Nhu cầu về dữ liệu cá nhân trong kinh doanh:* Dữ liệu cá nhân có giá trị to lớn trong việc phân tích hành vi của người dùng, dự đoán xu hướng, và cá nhân hóa sản phẩm hoặc dịch vụ. Doanh nghiệp sử dụng dữ liệu cá nhân để tối ưu hóa chiến lược marketing, phát triển sản phẩm, và nâng cao trải nghiệm khách hàng.

3. *Quảng cáo và marketing mục tiêu:* Dữ liệu cá nhân giúp doanh nghiệp mục tiêu quảng cáo một cách chính xác hơn, đạt được hiệu quả cao trong chiến dịch marketing. Thông qua việc phân tích dữ liệu, các doanh nghiệp có thể xác định nhu cầu và sở thích cụ thể của người tiêu dùng, từ đó tạo ra các quảng cáo cá nhân hóa.

4. *Thị trường dữ liệu:* Sự xuất hiện của thị trường dữ liệu, nơi các doanh nghiệp có thể mua và bán dữ liệu cá nhân, cũng là một yếu tố quan trọng. Thị trường này giúp tạo ra một hệ sinh thái kinh doanh mà trong đó dữ liệu cá nhân được coi như một loại hàng hóa có giá trị.

5. *Sự đồng ý của người dùng*: Sự đồng ý của người dùng, dù thường xuyên được yêu cầu theo luật pháp, đôi khi được thu thập một cách mơ hồ qua các điều khoản và điều kiện dài dòng. Điều này tạo điều kiện cho việc sử dụng dữ liệu cá nhân trở nên rộng rãi hơn.

6. *Luật pháp và quy định*: Các quy định về bảo vệ dữ liệu như GDPR (Châu Âu), CCPA (California, Hoa Kỳ) đóng một vai trò quan trọng trong việc hình thành và kiểm soát việc sử dụng dữ liệu cá nhân như một hàng hoá. Tuy nhiên, sự khác biệt về luật pháp giữa các quốc gia và khu vực cũng tạo ra thách thức trong việc quản lý dữ liệu cá nhân trên toàn cầu.

7. *Nhận thức và thái độ của người dùng*: Sự nhận thức và thái độ của người dùng đối với việc chia sẻ dữ liệu cá nhân cũng ảnh hưởng đến việc dữ liệu cá nhân trở thành hàng hoá. Trong khi một số người dùng cảm thấy thoải mái khi chia sẻ dữ liệu cá nhân để nhận được dịch vụ tốt hơn, người khác lại lo ngại về quyền riêng tư và an toàn dữ liệu của mình.

3.1. Giá trị quan trọng của dữ liệu cá nhân.

Dữ liệu cá nhân trở thành nguyên liệu chính cho hoạt động của các ngành, nghề, dịch vụ và ngày càng chiếm vị trí quan trọng, tạo ra giá trị lợi nhuận cao trong nền kinh tế số.

Tại Hội nghị, Trung tướng Nguyễn Minh Chính cho biết, Việt Nam đang hòa mình vào xu hướng chuyển đổi số, phát triển Chính phủ điện tử, kinh tế số, xã hội số, công dân số với hơn 77,93 triệu người sử dụng Internet (chiếm hơn 79% dân số), xếp thứ 12 trên thế giới về tỉ lệ người sử dụng Internet.

Bên cạnh đó, cơ sở hạ tầng không gian mạng phát triển nhanh và ngày càng hoàn thiện, tạo điều kiện thuận lợi cho các ngành, nghề, dịch vụ kinh doanh có liên quan tới dữ liệu cá nhân phát triển. Công nghệ thông tin, truyền thông, trí tuệ nhân tạo, Internet vạn vật, điện toán đám mây, dữ liệu lớn, dữ liệu nhanh... được ứng dụng sâu rộng, tạo ra những giá trị to lớn cho xã hội.

Thực hiện Chương trình xây dựng pháp luật của Chính phủ, từ năm 2019 đến nay, Bộ Công an đã tham mưu cho Chính phủ xây dựng dự thảo Nghị định bảo vệ dữ liệu cá nhân một cách công phu, bài bản, khoa học, tham khảo đầy đủ kinh nghiệm quốc tế, có khảo sát, đánh giá thực trạng trong nước, nhiều lần nghiên cứu, tiếp thu chỉnh sửa và báo cáo đánh giá tác động chính sách.

Được biết, Chính phủ đã ban hành Nghị định số 13/2023/NĐ-CP ngày 17/4/2023 về bảo vệ dữ liệu cá nhân với 4 chương, 44 điều, đánh dấu bước tiến lớn đầu tiên trong nỗ lực xây dựng hành lang pháp lý nhằm bảo vệ dữ liệu cá nhân tại Việt Nam một cách hiệu quả, giảm thiểu tối đa những nguy cơ và hệ quả của các hành vi xâm phạm dữ liệu cá nhân, chung tay với cộng đồng quốc tế trong xử lý các nguy cơ, thách thức đến từ không gian mạng.

3.2. Các hình thức thương mại hoá dữ liệu cá nhân.

Các hình thức môi giới và thương mại hoá dữ liệu cá nhân ngày càng đa dạng, phản ánh sự phát triển của công nghệ và nhu cầu thị trường. Dưới đây là một số hình thức phổ biến:

1. Môi Giới Dữ Liệu (Data Brokers), thu thập và bán dữ liệu: Các công ty môi giới dữ liệu thu thập thông tin từ nhiều nguồn khác nhau, bao gồm cả trực tuyến và ngoại tuyến, sau đó phân loại, phân tích và bán dữ liệu này cho bên thứ ba. Họ cung cấp thông tin chi tiết về hành vi, sở thích, và mô hình tiêu dùng của người dùng.

2. Nền Tảng Quảng Cáo Dựa Trên Dữ Liệu (Data-Driven Advertising Platforms). Quảng cáo mục tiêu: Nền tảng này sử dụng dữ liệu cá nhân để tạo điều kiện cho quảng cáo mục tiêu, cho phép các nhà quảng cáo hiển thị nội dung phù hợp với sở thích và hành vi cụ thể của người dùng.

3. Dịch Vụ Phân Tích Dữ Liệu (Analytics Services), phân tích và dự đoán: cung cấp dịch vụ phân tích dữ liệu cho các doanh nghiệp để hỗ trợ họ trong việc đưa ra quyết định chiến lược, dự đoán xu hướng thị trường, và cá nhân hoá dịch vụ.

4. Thị Trường Dữ Liệu (Data Marketplaces), mua bán và trao đổi dữ liệu: các thị trường này là nơi các tổ chức có thể mua, bán, hoặc trao đổi dữ liệu cá nhân. Họ

thường cung cấp các loại dữ liệu được phân loại rõ ràng, từ dữ liệu cá nhân đến dữ liệu tài chính và dữ liệu về hoạt động kinh doanh.

5. Tích Hợp Dữ Liệu và API (Data Integration and APIs), chia sẻ và tích hợp dữ liệu: Cung cấp các giao diện lập trình ứng dụng (APIs) để cho phép các ứng dụng và dịch vụ khác nhau truy cập và sử dụng dữ liệu cá nhân, nhằm mục đích tạo ra trải nghiệm người dùng liền mạch và cá nhân hóa.

6. Công Nghệ Blockchain và Dữ Liệu Cá Nhân, bảo mật và minh bạch: Sử dụng công nghệ blockchain để tạo điều kiện cho việc trao đổi dữ liệu cá nhân một cách an toàn và minh bạch, giúp người dùng có quyền kiểm soát đối với dữ liệu của mình.

7. Cá Nhân Hóa Dịch Vụ (Personalization Services), dịch vụ dựa trên dữ liệu cá nhân: Các công ty sử dụng dữ liệu cá nhân để cá nhân hoá dịch vụ và sản phẩm, tạo ra trải nghiệm người dùng độc đáo và tăng cường sự gắn kết với thương hiệu.

3.2. Bản chất tài sản của dữ liệu cá nhân qua phân tích quy định pháp luật

Khái niệm tài sản trong Civil Law, không thể không nhắc đến học thuyết của các học giả La Mã cổ đại. Tài sản trong luật La Mã bao gồm các vật và quyền tài sản. “Vật” được coi là vấn đề cơ bản của tài sản, và tạo cơ sở thiết lập tiêu chuẩn pháp lý cho tài sản” (Trang, N. T., 2018). Tuy rằng luật La Mã đã tồn tại từ rất lâu trước đây nhưng có thể thấy tầm nhìn xa và tư duy lập pháp của con người ở thời đại này vô cùng tiến bộ qua các cách phân loại vật dựa trên nhiều tiêu chí khác nhau nhằm bao hàm đầy đủ hầu hết các “vật” tồn tại khách quan trong thế giới vật chất, con người có thể chiếm hữu, mang lại giá trị và đáp ứng được nhu cầu của con người. Xét về khía cạnh hình thái vật chất, vật được chia thành vật hữu hình và vật vô hình; dưới góc độ thương mại, bao gồm vật lưu thông được và vật không lưu thông được; về tính “hao mòn”, có vật tiêu hao và vật không tiêu hao...

Có thể thấy, các học giả La Mã cổ đại dường như đã dự trù trước về sự “thiên biến vạn hóa” của tài sản dưới sự vận động liên tục của xã hội. Chính do tư duy lập pháp đi trước thời đại đã khiến luật La Mã trở thành nền tảng lý thuyết vững chắc của hệ thống pháp luật Civil Law. DLCN là một loại tài sản thực thụ khi nhìn nhận từ góc độ tài sản vô hình theo lý thuyết trên.

DLCN là thông tin, mà thông tin thì có tính vô hình trong thế giới vật chất, nhưng khi được thể hiện dưới những dạng thức khác nhau trên không gian mạng như hình ảnh, các con số, ký tự, chữ viết... thì DLCN có thể nhìn thấy được. Nhưng đây chỉ là những hình thức thể hiện ra bên ngoài của DLCN thông qua bàn tay con người, về bản chất, DLCN tồn tại một cách vô hình trong thế giới vật chất. Feng Xiong và Lingjuan Zhao chỉ ra rằng dữ liệu thông thường sẽ được lưu trữ trên các máy chủ, ổ USB, đĩa cứng, và các thiết bị điện tử khác, và chỉ có thể truy cập thông qua các thiết bị phần cứng như máy tính. Vì vậy, dữ liệu đáp ứng tiêu chí về tính vô hình, bởi vì chúng không có thực thể vật lý. Mặc dù không thể tách rời khỏi thiết bị lưu trữ của nó, nhưng vì việc phân tích, đánh giá một thiết bị lưu trữ là một nhiệm vụ dễ dàng nên dữ liệu có thể được xem là vô hình và có thể nhận dạng được (Xiong, Xie, Zhao, Li, & Fan, 2022). Không cần phải thảo luận quá nhiều về sự giá trị và khả năng tạo ra lợi ích kinh tế của DLCN trong xã hội ngày nay. “Một điểm đặc thù của khái niệm tài sản: tài sản là một khái niệm động mang nội dung kinh tế, xã hội và nội dung pháp lý nhằm mục đích đáp ứng cho các nhu cầu của con người trong cuộc sống”.

Song song với tiến trình phát triển của xã hội, DLCN xuất hiện như một loại tài sản mới nhằm đáp ứng các nhu cầu khác nhau của con người trong đời sống cả về vật chất lẫn tinh thần. Như vậy, xét dưới góc độ của hệ thống pháp luật Châu Âu lục địa, DLCN mang trong mình bản chất của một loại tài sản đặc biệt dù có thể tồn tại dưới dạng hình ảnh, các con số, ký tự, chữ viết... nhưng về bản chất nó vẫn là một loại tài sản vô hình.

Như ở trên đã đề cập, các nước liên minh Châu Âu, Nhật Bản, các quốc gia thuộc Họ Dân luật, hay thậm chí là Hoa Kỳ cũng không có quy định nào nghiêm cấm việc mua, bán DLCN. Hoạt động này vẫn có thể được thực hiện dưới sự đồng ý của chủ thể dữ liệu, thể hiện sự tôn trọng ý chí, “quyền tự quyết” của chủ thể. Việc các quốc gia này ban hành quy định về bảo vệ DLCN mang tính chất giúp người dân và chính phủ bảo vệ quyền lợi hợp pháp, ngăn chặn sự xâm phạm nghiêm trọng đến lợi ích của chủ thể dữ liệu mà không hề hạn chế quyền tài sản của họ. Như vậy, dường như, pháp luật các nước theo trường phái Civil Law đã ngầm thừa nhận DLCN là

một loại tài sản vô hình và chủ thể dữ liệu hoàn toàn có quyền đối với tài sản của mình.

3.3 Dữ liệu cá nhân qua theo góc nhìn pháp luật Việt Nam.

Trong mọi quan hệ xã hội nói chung và quan hệ pháp luật nói riêng, tài sản luôn là vấn đề cốt yếu, trọng tâm (Hải, Đ. T. N., 2018). Để điều chỉnh các quan hệ này, các nhà lập pháp Việt Nam từ xa xưa đến nay đã luôn cố gắng hoàn thiện chế định về tài sản trong hệ thống pháp luật nước nhà, gần đây nhất là định nghĩa về tài sản trong BLDS 2015. Theo đó, tài sản là “vật, tiền, giấy tờ có giá và quyền tài sản”, bên cạnh đó, Bộ luật này có điểm tiến bộ hơn so với các Bộ t trước đó với quy định cụ thể hơn để phân loại hai nhóm tài sản là động sản và bất động sản (hiện có hoặc hình thành trong tương lai).

Để được coi là “vật” trong pháp luật dân sự Việt Nam, cần đáp ứng ba điều kiện cơ bản: (i) tồn tại và là bộ phận của thế giới vật chất (đang hiện có hoặc hình thành trong tương lai), (ii) mang lại giá trị thực cho chủ sở hữu, (iii) là thứ mà con người có thể chiếm hữu được. Cũng tại Bộ luật này, khái niệm động sản được định nghĩa là “những tài sản không phải là bất động sản”. Bất động sản là đất đai và tài sản được gắn liền với đất đai, nói cách khác, bất động sản là tài sản không thể di dời được. Từ tính chất trên, có thể dễ dàng suy ra, động sản là những vật có thể tự mình di chuyển hoặc chịu tác động từ một hay nhiều ngoại lực, sự chi phối trực tiếp hoặc gián tiếp làm dịch chuyển nó.

Như vậy, từ những đặc điểm của “vật” và “động sản” nêu trên, nhóm tác giả nhận định rằng, DLCN hoàn toàn đủ điều kiện để được coi là một loại tài sản, cụ thể hơn là một ***động sản***. Dưới góc độ vật, DLCN hiện hữu là một thực thể thực thụ của thế giới vật chất, chúng tồn tại một cách khách quan và luôn hiện hữu trong nhiều hoạt động của đời sống, đặc biệt trong thời đại công nghệ ngày nay. Các chủ thể hoàn toàn có khả năng chiếm hữu DLCN. Theo quy định của BLDS 2015, chiếm hữu là việc chủ thể “nắm giữ, chi phối tài sản một cách gián tiếp hoặc trực tiếp”, con người không thể trực tiếp tác động vật lý lên DLCN bằng cách cầm nắm, sờ, chạm,..., tuy nhiên, chúng ta vẫn có khả năng chi phối, kiểm soát chúng bằng các thao tác, hành động, các thuật toán,... trên môi trường điện

tử như thu thập, lưu trữ, phân tích, truyền tải,... Có thể thấy, DLCN không thể tự bản thân nó thực hiện những hành động trên, mà chính do “bàn tay” con người tác động vào, như vậy, việc nhìn nhận DLCN như một loại động sản là có cơ sở. Bên cạnh đó, DLCN không chỉ là thứ “vô tri vô giác” tồn tại song song với thế giới vật chất mà hơn thế nữa, nó mang lại nhiều giá trị cho các chủ thể. Dưới sự phát triển của thời đại, không quá khi nói DLCN là “nguồn tài nguyên đắt giá của thế kỷ 21” (Pentland et al., 2011), có giá trị trong nhiều lĩnh vực, vì thế chúng đang là đối tượng của tội phạm an ninh mạng. Chung quy lại, DLCN thỏa mãn đầy đủ các điều kiện căn bản để trở thành một tài sản, mà cụ thể hơn là động sản trong pháp luật dân sự Việt Nam.

“Dữ liệu cá nhân - loại dữ liệu số được tạo ra bởi con người và về con người, đang tạo ra một làn sóng cơ hội mới cho sự phát triển kinh tế và xã hội.” (Pentland et al., 2011). Việc xem DLCN như một loại tài sản là rất quan trọng để tạo điều kiện cho chủ thể dữ liệu khai thác giá trị của chúng. Nếu ta nhìn nhận quyền đối với DLCN như một quyền nhân thân, không thể tách rời khỏi cá nhân, thì việc mua, bán chuyển nhượng sẽ không thể xảy ra, từ đó hạn chế đi quyền lợi của chủ thể dữ liệu. Bởi, DLCN hiện nay được xem là một công cụ “hái ra tiền”, một loại ầu mỏ mới” (Halcu, B., 2016) vì những giá trị mà nó mang lại. Chủ thể dữ liệu dựa vào đó có thể tận dụng DLCN với mục đích mang lại giá trị kinh tế cho bản thân một cách hợp pháp nếu như nó được coi là một tài sản và trở thành hàng hóa có thể được mua bán trên thị trường điện tử.

Chẳng hạn, Điều 32 BLDS 2015 trong mục Quyền nhân thân, điều luật quy định rằng “cá nhân có quyền đối với hình ảnh của mình”, và việc sử dụng hình ảnh của cá nhân vì mục đích thương mại thì phải trả thù lao cho cá nhân đó. Thêm vào đó, hình ảnh của cá nhân trên môi trường điện tử được xác định là một loại DLCN theo Nghị định 13/2023/NĐ-CP. Hai quy định này tồn tại sự mâu thuẫn, chòng chẹo lên nhau. Theo BLDS, quyền đối với hình ảnh của cá nhân là quyền nhân thân, tuy vậy, cá nhân có thể khai thác lợi ích kinh tế thông qua việc trao quyền sử dụng (một quyền trong quyền sở hữu đối với tài sản) cho chủ thể khác, minh chứng này cho thấy rằng DLCN có thể khai thác được giá trị kinh tế cho chủ thể

có quyền sở hữu, hay nói cách khác, dữ liệu này có giá trị và đang mang lại lợi nhuận cho chủ sở hữu, chính là một đặc điểm của tài sản. Bên cạnh đó, tồn tại sự mâu thuẫn giữa các quy định về mua, bán DLCN trong chính Nghị định này, tại khoản 4 Điều 3: “dữ liệu cá nhân không được mua, bán dưới mọi hình thức, trừ trường hợp luật có quy định khác”, tuy nhiên trong khoản 2 Điều 22 lại đề cập đến việc “mua, bán dữ liệu cá nhân không có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu là vi phạm pháp luật”. Vậy, việc mua, bán DLCN có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu có được công nhận?

Không những vậy, Tú, H. T., (2022) cũng chỉ ra những đặc điểm của dữ liệu số dưới góc độ tài sản, có thể kể đến như dữ liệu có thể chiếm hữu thông qua phạm vi hệ thống thông tin; có thể trở thành đối tượng của sự trao đổi vì nó có thể được truyền đưa, chia sẻ hoặc xử lý; và đặc biệt hơn hết, việc khai thác ứng dụng của chúng mang lại giá trị cho người có quyền. Như vậy, dữ liệu số, hay cụ thể hơn là DLCN mang các đặc điểm của tài sản và có thể xem như một loại tài sản. Một khi đã là tài sản thì DLCN đương nhiên có thể được giao dịch dựa trên ý chí tự nguyện của chủ sở hữu. Chủ thể dữ liệu có quyền thực hiện việc bán đi DLCN của mình cho các thương nhân có nhu cầu mua dữ liệu đó. Trong quan hệ này, mục đích của chủ thể dữ liệu có thể không hướng đến việc sinh lợi, nhưng các thương nhân sẽ dùng hệ thống DLCN của nhiều người bán để thực hiện những hoạt động nhằm đem, lại lợi nhuận. Bên cạnh đó, nếu được sự chấp thuận của chủ thể dữ liệu trong một hợp đồng cụ thể, thương nhân đã mua dữ liệu có thể bán đi cho thương nhân khác nhưng phải với những điều kiện nghiêm ngặt để bảo vệ quyền lợi của chủ thể dữ liệu. Như vậy, nói DLCN là một loại hàng hóa đặc biệt cần được công nhận trong thương mại không phải là điều thiếu cơ sở. Bởi hàng hóa trong Luật Thương mại được định nghĩa là “tất cả các loại động sản”, mà đã phân tích ở phần trên, DLCN đủ tiêu chuẩn để trở thành một động sản và từ đó là hàng hóa trong thương mại.

Thừa nhận DLCN là tài sản, hay cụ thể là hàng hóa trong các giao dịch thương mại mang nhiều ý nghĩa như sau:

Thứ nhất, việc tạo điều kiện cho chủ thể dữ liệu sở hữu DLCN của mình như một loại tài sản sẽ giúp họ dễ dàng bảo vệ và tận dụng, dụng ích một cách tối đa những giá trị kinh tế mà loại tài sản này đang mang lại trong thời đại công nghệ số, dữ liệu số phát triển vượt bậc ngày nay bằng cách bán dữ liệu của mình cho một bên khác và nhận được những lợi ích tương xứng.

Thứ hai, việc xem DLCN là tài sản còn giúp mọi người nhận thức tốt hơn về giá trị của dữ liệu, dựa trên thực trạng xâm phạm dữ liệu hiện nay, có thể thấy các chủ thể kiểm soát và xử lý dữ liệu đang trực lợi từ dữ liệu của cá nhân của người dân trong khi chủ thể dữ liệu không hề hay biết, hoặc thậm chí biết nhưng vẫn còn thờ ơ với tâm lý “cũng không đáng quan ngại, chỉ là một vài thông tin cá nhân”, cho thấy, họ đang không nhận thức được tầm quan trọng của DLCN. Vì vậy khi xem DLCN như một loại tài sản, các chủ thể dữ liệu sẽ thực sự quan tâm đến giá trị của chúng, từ đó cảnh giác hơn tới hành vi xâm phạm dữ liệu.

Thứ ba, khi xem DLCN là tài sản, hàng hóa và đưa vào trong các giao dịch thương mại trên thị trường, cả hai bên chủ thể trong quan hệ mua, bán này đều có lợi cho riêng mình. Một trong những điểm hấp dẫn chính của thị trường là chúng cho phép trao đổi cùng có lợi, nói cách khác, việc trao đổi hàng hóa, dịch vụ mang lại hoặc được kỳ vọng mang lại sẽ là ít nhất một bên được hưởng lợi và không bên nào bị thiệt hại (Davis & Marotta-Wurgler, 2019). Bên bán, tức chủ thể dữ liệu có thể nhận một khoản tiền hoặc một lợi ích nhất định, bên mua tức các thương nhân sẽ dùng DLCN đó vào những mục đích khác nhau phục vụ cho hoạt động kinh doanh của mình hoặc tạo ra các giá trị khác nhằm đem lại lợi nhuận.

Thứ tư, việc mua, bán, giao dịch DLCN sẽ đem lại hiệu ứng tích cực cho nền kinh tế thị trường nếu chúng được kiểm soát chặt chẽ dựa trên những quy định nghiêm ngặt của pháp luật về hợp đồng mua, bán DLCN mà nhóm tác giả sẽ nói đến ở phần sau. Khi xem DLCN như một loại hàng hóa, ắt hẳn thị trường sẽ xuất hiện, tạo ra một thị trường mới - thị trường DLCN đồng nghĩa với tạo ra cơ hội gia tăng thu nhập cho mọi người, đóng góp vào phát triển nền kinh tế.

Vì những lợi ích trên, nhóm tác giả cho rằng, để dụng ích tối đa được giá trị to lớn mà DLCN đem lại cho người có quyền với nó và những chủ thể khác, nhìn nhận

dữ liệu này là một loại tài sản sẽ đảm bảo quyền lợi cho chủ thể dữ liệu một cách toàn diện hơn. Nếu xem xét ứng là đối tượng của quyền sở hữu, có thể thấy chủ thể có quyền đối với chúng như một loại tài sản, bao gồm quyền chiếm hữu, quyền sử dụng và quyền định đoạt.

3.4. Giá trị của dữ liệu cá nhân - hợp đồng mua bán dữ liệu cá nhân.

“Giá trị của dữ liệu ngày càng tăng, chắc chắn sẽ làm phát sinh nhu cầu định giá dữ liệu trong tương lai.” (Thọ T. G., & Trâm P. N., 2023). Giá trị của DLCN chỉ đo lường được khi xem xét chi phí để có được nó. Trong thị trường dữ liệu, với điều kiện có một mức giá phù hợp, người có dữ liệu để bán và người có nhu cầu mua dữ liệu sẽ đạt được thỏa thuận giao kết khi một bên sẵn lòng mua và bên kia sẵn sàng bán. Tuy nhiên, mức giá thích hợp không thể tự bản thân nó mà có, để đạt được mức giá này sẽ phát sinh một số chi phí nhất định như chi phí thương lượng, chi phí soạn thảo hợp đồng, chi phí đi lại,... Để giảm thiểu đi những chi phí bắt buộc này, doanh nghiệp thay vào đó sẽ ký kết hợp đồng với nhiều người một lúc thông qua một hợp đồng mẫu. Hợp đồng mẫu này thường xuất hiện dưới dạng “đồng ý điều khoản sử dụng dịch vụ” trên trang web khi người dùng đăng ký tài khoản và sử dụng dịch vụ. Thông thường, các điều khoản đều giống nhau cho tất cả mọi người.

Có thể thấy, việc chấp nhận điều khoản sử dụng của trang web cũng giống như ký kết vào một hợp đồng mua bán hàng hóa, việc xác lập hợp đồng này thông qua một hành vi cụ thể của người dùng, đó là chọn vào ô “đồng ý điều khoản sử dụng”. Giao dịch này đem lại “hàng hóa” DLCN của người bán cho người mua, người bán chỉ nhận lại được dịch vụ và tiện ích mà người mua cung cấp chứ chưa trực tiếp tạo ra giá trị về kinh tế cho người bán. Thêm vào đó, hành vi chọn vào ô tùy chọn trên của chủ thể dữ liệu chưa thực sự thể hiện đó là một hành vi pháp lý và phát sinh quyền, nghĩa vụ của hai bên. Do đó, cũng chưa thể khẳng định rằng đó là một hợp đồng mua bán hàng hóa. Tuy nhiên, đối với một chủ thể dữ liệu, phương thức phát sinh quan hệ thương mại này vẫn nên là hợp đồng (Metzger, 2020) nhằm ràng buộc các nghĩa vụ của hai bên cũng như bảo vệ quyền lợi cho họ.

Từ đó, việc giao dịch DLCN thông qua một hợp đồng mua, bán hàng hóa, đương nhiên phải có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu, là một phương thức giao dịch hợp lý và có thể đem lại nhiều lợi ích cho chủ thể dữ liệu. Tuy nhiên, một lưu ý quan trọng rằng, việc mua, bán DLCN của chủ thể dữ liệu này không hoàn toàn giống với bán một loại hàng hóa thông thường. Đối với mua bán một loại hàng hóa thông thường theo Luật Thương mại Việt Nam 2005, “*bên bán có nghĩa vụ giao hàng, chuyển quyền sở hữu hàng hóa cho bên mua và nhận thanh toán; bên mua có nghĩa vụ thanh toán cho bên bán, nhận hàng và quyền sở hữu hàng hóa theo thỏa thuận*”, tức bên bán sẽ chuyển giao toàn bộ quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt đối với hàng hóa cho bên mua theo hợp đồng mua bán được giao kết giữa các bên. Mua, bán DLCN thì không hoàn toàn như vậy, DLCN là tài sản gắn liền với mỗi con người cụ thể, không thể tách rời với chủ thể dữ liệu và có ảnh hưởng sâu sắc đến quyền và lợi ích hợp pháp của chủ thể đó, không giống như các hàng hóa khác - hoàn toàn độc lập và tách rời khỏi con người. Vì vậy, theo quan điểm của nhóm tác giả, việc mua bán DLCN nên được gắn với việc chuyển giao quyền chiếm hữu và quyền sử dụng, còn quyền định đoạt vẫn sẽ “*nằm trong tay*” chủ thể dữ liệu. Sau khi bán, chủ thể dữ liệu vẫn có quyền đối với DLCN đó, được tiếp tục cung cấp và bán cho các bên khác.

Song, quan hệ mua bán DLCN không chỉ gói gọn trong phạm vi giữa chủ thể dữ liệu và thương nhân có nhu cầu mua loại hàng hóa đặc biệt này nhằm mục đích sinh lợi mà trong thị trường DLCN, như đã đề cập ở phần trên, còn xuất hiện thêm một bên thứ ba cũng là các thương nhân, các cá nhân, tổ chức tham gia vào quan hệ này với mục đích tìm kiếm lợi nhuận. Thương nhân đầu tiên mua DLCN của chủ thể dữ liệu có thể mua bán, giao dịch với bên thứ ba với điều kiện tiên quyết là sự chấp thuận của chủ thể dữ liệu trong hợp đồng mua bán. Bên cạnh đó, hợp đồng mua bán DLCN giữa bên mua DLCN trực tiếp từ chủ thể với bên thứ ba nhất thiết phải có xác nhận đồng ý của chủ thể dữ liệu. Và việc giao dịch, mua bán DLCN sẽ được tiếp diễn như vậy dựa trên nguyên tắc có sự đồng ý của chủ thể dữ liệu và chủ thể này phải nhận biết được những rủi ro có thể xảy ra khi thực hiện hợp đồng mua bán này.

Quyền rút lại sự đồng ý được quy định trong Nghị định 13/2023/NĐ-CP cũng là một mối quan tâm đối với hợp đồng mua bán hàng hóa DLCN. Liệu rằng chủ thể dữ liệu sau khi rút lại sự đồng ý, sẽ gây ảnh hưởng thế nào đến quyền, lợi ích và nghĩa vụ của các bên, thêm vào đó, quy định về bồi thường thiệt hại do rút lại sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cũng không được quy định. Đứng trước hiện trạng chưa có một quy định hay công thức nào quy định giá trị của DLCN, sự đồng ý của chủ thể dữ liệu cho phép bên kiểm soát hoặc bên kiểm soát và quản lý dữ liệu mua, bán DLCN chỉ mang tính ủy quyền, chưa thực sự mang lại lợi ích một cách trực tiếp về phía chủ thể dữ liệu. Nhận thấy rằng, chính lỗ hổng này đang làm giảm sút đi quyền và lợi ích của chủ thể dữ liệu.

4. Pháp lý biến dữ liệu cá nhân thành hàng hoá.

4.1 Một số khung pháp lý trên thế giới về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4.1.1. Khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Liên minh Châu Âu.

Quy định bảo vệ dữ liệu chung (GDPR) có hiệu lực kể từ ngày 24/5/2016, có thời gian chuyển tiếp hai năm và thay thế cho Chỉ thị bảo vệ dữ liệu (Chỉ thị 95/46/EC), đây là chỉ thị bảo vệ dữ liệu liên quan đến “việc xử lý dữ liệu cá nhân và việc di chuyển tự do dữ liệu đó” (phần mở đầu Chỉ thị 95/46/EC). Ở Vương quốc Anh, điều này được ban hành thông qua Đạo luật bảo vệ dữ liệu năm 1998 (DPA 1998). GDPR là một bộ luật khá lớn với 99 Điều khoản, mặc dù có thể nói rằng nó có ba mục tiêu chính. Những mục tiêu này là: cung cấp các quy tắc bảo vệ dữ liệu cá nhân của thể nhân và xử lý dữ liệu cá nhân của họ; để bảo vệ các quyền và tự do cơ bản của thể nhân, đặc biệt đối với dữ liệu cá nhân của họ; và để đảm bảo rằng dữ liệu cá nhân có thể di chuyển tự do trong Liên minh Châu Âu (EU) (Điều 1 GDPR).

Trong cách tiếp cận của EU, GDPR đặt ra sáu điều kiện cụ thể yêu cầu bên xử lý dữ liệu phải thỏa mãn ít nhất một trong các điều kiện đó, bao gồm: (i) có chấp thuận của chủ thể dữ liệu cho mục tiêu cụ thể; (ii) có sự cần thiết để thực hiện hợp đồng có liên quan; (iii) để tuân thủ nghĩa vụ pháp lý của bên xử lý dữ liệu; (iv) cần thiết để bảo vệ lợi ích sống còn của chủ thể dữ liệu hoặc một người khác,

(v) cần thiết để thực hiện một công vụ vì lợi ích công; (vi) cần thiết vì lợi ích hợp pháp của bên khác với điều kiện không hạn chế quyền tự do cơ bản của chủ thể dữ liệu, đặc biệt quyền của trẻ em. Bên cạnh đó, GDPR có quy định 04 trách nhiệm và 04 nhóm nghĩa vụ mà bên thu thập và xử lý dữ liệu phải tuân thủ bao gồm: (i) Phải có hệ thống kỹ thuật và chính sách để bảo vệ dữ liệu; (ii) Chỉ thu thập và xử lý dữ liệu trong phạm vi mục tiêu định trước; (iii) Báo cáo các khâu xử lý dữ liệu; (iv) Hợp tác bảo vệ dữ liệu cá nhân và quyền riêng tư. Bốn nhóm nghĩa vụ gồm: (i) Bảo đảm an toàn dữ liệu; (ii) Đánh giá tác động và tham vấn; (iii) Nhân sự bảo vệ dữ liệu; (iv) Xây dựng và tuân thủ Quy tắc ứng xử trong bảo vệ dữ liệu. Theo yêu cầu của GDPR, mỗi nước thành viên của EU phải chỉ định cơ quan đứng đầu và đại diện quốc tế trong hoạt động bảo vệ dữ liệu. Chẳng hạn ở Đức là Ủy viên Liên bang Đức về Bảo vệ dữ liệu và Tự do thông tin (German Federal Commissioner for Data Protection and Freedom of Information - BFDI), ở Pháp là Ủy ban quốc gia về Tự do thông tin (National Commission for Freedom of Information - CNIL) và ở Anh là Ủy viên phụ trách Thông tin (Information Commissioner - ICO).

Việc thực thi GDPR đã tạo ra một sự thay đổi toàn cầu gây chấn động về cách các quốc gia, tổ chức và cá nhân nhìn nhận về dữ liệu cá nhân và chứng kiến một bước chuyển toàn cầu nhanh chóng hướng tới các biện pháp kiểm soát và bảo vệ nghiêm ngặt hơn. Ngày nay, với việc thực thi toàn cầu các biện pháp kiểm soát bảo vệ dữ liệu và bảo mật, tương lai của việc bảo vệ dữ liệu được xác định bằng các quy định chặt chẽ hơn, tiền phạt lớn hơn và thiệt hại về uy tín hơn nếu việc tuân thủ bị bỏ qua. Tính từ thời điểm GDPR có hiệu lực, đến nay đã có hơn 900 khoản tiền xử phạt được thu về trên khắp Khu vực Kinh tế Châu Âu (EEA). Trong đó, có nhiều khoản tiền phạt khổng lồ được thu từ các hành vi vi phạm của những “ông lớn” trong thị trường thông tin số của thế giới hiện nay, cụ thể:

Có thể thấy rằng, từ khi GDPR được áp dụng, nó đã trở thành một trong những văn bản quan trọng nhất về quyền riêng tư và bảo vệ dữ liệu cá nhân trên thế giới. GDPR đã đặt ra một chuẩn mực cao cho việc xử lý dữ liệu cá nhân và

buộc các tổ chức phải tuân thủ các quy định nghiêm ngặt về quản lý, bảo vệ và xử lý thông tin cá nhân của người dùng. Việc áp dụng GDPR đã tạo ra những thay đổi đáng kể trong cách mà các tổ chức xử lý dữ liệu, đồng thời giúp người dùng có được quyền kiểm soát hơn về thông tin cá nhân của mình. Nếu các tổ chức không tuân thủ quy định của GDPR, họ sẽ phải đối mặt với những khoản phạt nặng và ảnh hưởng đến uy tín của mình. Với tầm quan trọng ngày càng tăng của dữ liệu trong thời đại số, GDPR đã và đang trở thành một bộ quy tắc cần thiết và không thể thiếu cho việc bảo vệ quyền riêng tư và dữ liệu cá nhân của người dùng. Nó đang tạo ra sự nhạy cảm hơn trong việc xử lý thông tin cá nhân và đưa ra những tiêu chuẩn mới cho việc bảo vệ dữ liệu, bảo mật và an toàn thông tin trên toàn cầu.

Bên cạnh đó, có nhiều tiêu chuẩn ở các khu vực về bảo vệ dữ liệu. Các hệ thống chính hiện đang tồn tại như: OECD đề ra Hướng dẫn về Bảo vệ Quyền riêng tư và Luồng Dữ liệu Cá nhân Xuyên Thứ tự năm 1980; Điều 16 Công ước Liên hợp quốc về quyền trẻ em; Điều 10 của Hiến chương Châu Phi về Quyền và Phúc lợi của Trẻ em; Cộng đồng kinh tế cho các quốc gia Tây Phi (ECOWAS): Đạo luật bổ sung A/SA.1/01/10 về Bảo vệ dữ liệu cá nhân trong ECOWAS; Tổ chức các Quốc gia Hoa Kỳ (OAS): Nghị quyết 2661 của Đại hội đồng về Tiếp cận Thông tin Công cộng và Bảo vệ Dữ liệu Cá nhân. Được Thông qua bởi Khuyến nghị của Hội đồng OECD vào ngày 23/9/1980: Công ước 1981 về Bảo vệ Cá nhân liên quan đến Xử lý Tự động Dữ liệu Cá nhân, được sửa đổi bởi Nghị định thư bổ sung năm 2001 của Công ước bảo vệ cá nhân liên quan đến Xử lý tự động dữ liệu cá nhân, Liên quan đến Cơ quan Giám sát và Luồng Dữ liệu Máy chuyển tuyến; EU: Chỉ thị 95/46/EC của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng về việc bảo vệ các cá nhân liên quan đến việc xử lý dữ liệu cá nhân và di chuyển tự do của các dữ liệu đó.

Năm 1995, nhận thức được cả những thiếu sót của luật pháp và nhiều khác biệt về mức độ bảo vệ ở mỗi Quốc gia, EU đã thông qua một thị trường duy nhất trên toàn Châu Âu sẽ cung cấp cho nhiều công dân biện pháp bảo vệ hơn đối với việc sử dụng dữ liệu của họ. Chỉ thị về “Bảo vệ cá nhân liên quan

đến việc xử lý dữ liệu cá nhân và chuyển đổi tự do của dữ liệu đó” đặt ra một tiêu chuẩn cho luật pháp quốc gia và mỗi quốc gia EU phải thông qua luật bổ sung trước tháng 10 năm 1998. Nhiều quốc gia đang áp dụng luật này vì một hoặc nhiều lý do. Trước tiên phải kể đến lý do nhằm giải quyết những bất công trong quá khứ. Đặc biệt là ở Trung Âu, Nam Mỹ và Nam Phi, đang áp dụng luật để giải quyết các vi phạm quyền riêng tư xảy ra đối với các chế độ độc tài trước đây. Tiếp đến, nhằm xúc tiến và thúc đẩy ngành thương mại điện tử ở một số quốc gia, đặc biệt là ở Châu Á, cũng như Canada. Các quốc gia này nhận ra rằng người tiêu dùng cảm thấy lo ngại về việc thông tin cá nhân của họ bị ghi nhận ở mọi nơi trên Thế giới. Pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân đang được đề cao và áp dụng rộng rãi nhằm tạo ra lợi nhuận cho thương mại điện tử bằng cách thiết lập các quy tắc hệ thống nhất. Hầu hết các quốc gia ở Trung và Đông Âu đang áp dụng luật mới dựa trên Công ước của Hội đồng Châu Âu và Chỉ thị Bảo vệ Dữ liệu của EU, họ hy vọng sẽ gia nhập EU trong tương lai gần. Các quốc gia ở các khu vực khác nhau, chẳng hạn như Canada, đang áp dụng luật mới để đảm bảo rằng thương mại sẽ không bị ảnh hưởng bởi các yêu cầu của Chỉ thị EU.

4.1.2. Khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Hoa Kỳ.

Quyền riêng tư dữ liệu ở Hoa Kỳ khác biệt đáng kể so với ở EU, nơi có luật bảo mật dữ liệu toàn diện là Quy định chung về bảo vệ dữ liệu GDPR, mặc dù một số tiểu bang đã thông qua luật bảo mật dữ liệu toàn diện của riêng họ và được so sánh với hệ thống của EU. Hoa Kỳ theo đuổi hướng tiếp cận tối giản đối với quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân. Quyền bảo vệ dữ liệu cá nhân chỉ được xem là quyền thứ cấp so với các ưu tiên khác trong Hiến pháp Hoa Kỳ cũng như các lợi ích công cộng khác. Bất chấp nhiều đề xuất trong nhiều năm, vẫn chưa có luật liên bang toàn diện nào quản lý quyền riêng tư dữ liệu ở Hoa Kỳ. Thay vào đó, hàng trăm luật được ban hành ở cả cấp liên bang và tiểu bang nhằm mục đích bảo vệ dữ liệu cá nhân của cư dân Hoa Kỳ. Mặc dù không có luật liên bang chung ảnh hưởng đến việc bảo vệ dữ liệu, nhưng có một số luật bảo vệ dữ liệu liên bang dành riêng cho từng lĩnh vực hoặc tập trung vào các loại dữ liệu cụ thể, xác định ưu tiên bảo vệ theo đối tượng và loại thông tin nhạy cảm chẳng hạn như tài chính, chăm sóc y tế, điện tử viễn thông, giáo dục. Ngoài

luật về quyền riêng tư theo ngành, Hoa Kỳ đang trải qua một nỗ lực lớn nhằm thúc đẩy luật về quyền riêng tư ở cấp tiểu bang. Đó là bởi vì chính phủ liên bang chưa thể tìm được sự đồng thuận về cách áp dụng luật một cách rộng rãi. Thay vì chờ đợi, các nhà lập pháp tiểu bang đã bị người tiêu dùng, những người ủng hộ người tiêu dùng và thậm chí cả các công ty thúc giục đặt ra các quy tắc riêng của họ.

Cụ thể, Hoa Kỳ ban hành Luật Quyền riêng tư năm 1974 nhằm hạn chế quyền đối với các dữ liệu do các cơ quan Chính phủ Hoa Kỳ nắm giữ; Luật về Trách nhiệm giải trình và trách nhiệm bảo hiểm y tế năm 1996 (HIPAA), đây là luật liên bang yêu cầu xây dựng các tiêu chuẩn quốc gia để bảo vệ thông tin sức khỏe nhạy cảm của bệnh nhân không bị tiết lộ mà không có sự đồng ý hoặc hiểu biết của bệnh nhân; Đạo luật báo cáo tín dụng công bằng (FCRA) bảo vệ dữ liệu được thu thập bởi các cơ quan báo cáo người tiêu dùng như văn phòng tín dụng, công ty thông tin y tế và dịch vụ sàng lọc người thuê nhà; Đạo luật quyền Quyền Tư và Quyền Giáo dục của Gia đình (FERPA) là luật Liên bang bảo vệ quyền riêng tư của hồ sơ giáo dục học sinh. Luật áp dụng cho tất cả các trường nhận tài trợ theo chương trình hiện hành của Bộ Giáo dục Hoa Kỳ; Đạo luật Gramm-Leach-Bliley (GLBA) yêu cầu các tổ chức tài chính, các công ty cung cấp cho người tiêu dùng các sản phẩm hoặc dịch vụ tài chính như các khoản vay, tư vấn tài chính hoặc đầu tư hoặc bảo hiểm phải giải thích các hoạt động chia sẻ thông tin của họ cho khách hàng và bảo vệ dữ liệu nhạy cảm; Luật Riêng tư đối với giao tiếp điện tử (ECPA) được thông qua vào năm 1986 để mở rộng và sửa đổi các điều khoản liên bang về nghe lén điện tử và nghe lén điện tử, được ban hành nhằm tìm cách hỗ trợ việc tạo ra các công nghệ mới bằng cách đảm bảo với người tiêu dùng rằng thông tin cá nhân của họ sẽ được an toàn; Luật Bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em trên nền tảng trực tuyến năm 2000 (COPPA) là luật liên bang áp đặt các yêu cầu cụ thể đối với các nhà điều hành trang web và dịch vụ trực tuyến nhằm bảo vệ quyền riêng tư của trẻ em dưới 13 tuổi; Luật Bảo vệ quyền riêng tư video (VPPA) được tạo ra để ngăn chặn cái mà nó gọi là tiết lộ sai trái hồ sơ cho thuê hoặc bán băng video hoặc các tài liệu nghe nhìn tương tự, để bao gồm các mục như trò chơi điện tử và định dạng DVD trong tương lai... Nhìn chung, tất cả những đạo luật trên đều được thiết kế để chỉ nhắm mục tiêu các loại dữ liệu cụ thể trong các trường hợp đặc biệt.

Một cơ quan thực thi quan trọng ở Hoa Kỳ là Ủy ban Thương mại Liên bang (FTC). Thẩm quyền thay mặt bảo vệ người tiêu dùng của cơ quan này xuất phát từ Đạo luật Ủy ban Thương mại Liên bang (Đạo luật FTC), có thẩm quyền rộng rãi đối với các thực thể thương mại dưới thẩm quyền của mình nhằm ngăn chặn “các hành vi thương mại lừa đảo” hoặc không công bằng ăng. FTC sử dụng thẩm quyền của mình để ban hành các quy định, thực thi luật về quyền riêng tư và thực hiện các hành động thực thi để bảo vệ người tiêu dùng. Sự hoạt động tích cực về mặt lập pháp của FTC đã góp phần xây dựng một hành lang pháp lý nhằm bảo vệ quyền riêng tư từ sớm ở Hoa Kỳ. Hoa Kỳ là nước theo hệ thống pháp luật liên bang. Tuy nhiên, ở cấp tiểu bang, California đã thông qua luật toàn diện về quyền riêng tư của người tiêu dùng (CCPA). Sự khác biệt chính giữa CCPA và GDPR là GDPR áp dụng cho mọi tổ chức xử lý hoặc có ý định xử lý dữ liệu nhạy cảm của công dân EU, bất kể vị trí. Việc tuân thủ GDPR là bắt buộc đối với mọi tổ chức xử lý dữ liệu cá nhân của công dân EU, bất kể họ có phải là khách hàng hay không. Cũng không có yêu cầu về doanh thu hoặc ngưỡng xử lý đối với GDPR. CCPA chỉ bao gồm các thực thể kinh doanh ở California. Quy định này áp dụng cho các thực thể đáp ứng các ngưỡng như doanh thu hàng năm trên 25 triệu USD, bất kỳ tổ chức nào xử lý dữ liệu cá nhân của hơn 50.000 cá nhân và những thực thể thu được 50% doanh thu từ việc bán dữ liệu.

Nhìn chung, không giống như EU và nhiều quốc gia, Hoa Kỳ không có luật liên bang toàn diện, tổng thể quy định về quyền riêng tư và việc thu thập, xử lý, tiết lộ và bảo mật dữ liệu cá nhân. Nếu EU hướng đến xây dựng khung pháp lý hoàn thiện nhất để bảo vệ quyền dữ liệu cá nhân như một quyền cơ bản trong một Đạo luật riêng biệt, cụ thể thì Hoa Kỳ hiện thiếu một khung pháp lý bảo vệ dữ liệu cá nhân trên phạm vi toàn liên bang và đặc biệt Hoa Kỳ bỏ qua mối lo ngại vi phạm dữ liệu cá nhân đối với chủ thể dữ liệu không phải là công dân Hoa Kỳ. Thay vào đó, luật liên bang và tiểu bang chấp vá quy định việc thu thập, xử lý, tiết lộ và bảo mật dữ liệu cá nhân, tùy thuộc vào ngành của tổ chức, tính chất của bảo mật dữ liệu cá nhân được đề cập và mục đích xử lý chúng. Suy cho cùng, nghiên cứu khung pháp lý về bảo vệ dữ liệu cá nhân theo quy định của Hoa Kỳ lẫn EU nhằm tìm kiếm các giá trị phổ quát trong việc bảo vệ dữ liệu cá nhân và kiến nghị hướng tiếp cận lập pháp thích hợp cho

quốc gia mình là nhiệm vụ cấp thiết trong quá trình xây dựng và hoàn thiện pháp luật bảo vệ dữ liệu cá nhân.

4.1 Khung pháp lý của Việt Nam về bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Tại Việt Nam, quy định pháp luật vẫn chưa công nhận và cho phép sự tồn tại hợp pháp của một thị trường mua, bán dữ liệu cá nhân người dùng. Theo quy định tại Khoản 4, Điều 3 Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định nguyên tắc: *“Dữ liệu cá nhân không được mua, bán dưới mọi hình thức, trừ trường hợp luật có quy định khác.”* Có thể thấy rằng, đây là hành vi không được phép, việc mua bán chỉ được diễn ra khi nằm trong ngoại lệ *“trừ trường hợp luật có quy định khác”*, nhưng đây vẫn là một vấn đề còn bỏ ngỏ khi chưa có văn bản hướng dẫn ban hành quy định chi tiết. Tuy nhiên, việc chuyển giao dữ liệu cá nhân của các chủ thể dữ liệu giữa bên kiểm soát dữ liệu (hay bên kiểm soát và xử lý dữ liệu) đối với một bên thứ ba, đâu đó vô hình trung mang bóng dáng của một giao dịch *“mua bán”* mà đối tượng ở đây là dữ liệu cá nhân người dùng. Mặc dù, chủ thể dữ liệu có quyền được biết dữ liệu của mình sẽ được các bên xử lý theo quy định của Nghị định số 13/2023/NĐ-CP, tuy nhiên việc chuyển giao này có thể là một giao dịch mang lại lợi nhuận. Vậy, đối tượng của giao dịch chính là dữ liệu cá nhân, dù có nằm trong sự cam kết hay không về mục đích dữ liệu được xử lý, thì nó vẫn lại mang lại lợi ích kinh tế thông qua việc sở hữu một lượng dữ liệu nhất định.

5. Đề xuất, kiến nghị.

5.1. Kiến nghị

Từ những thực trạng mua, bán DLCN bừa bãi, tràn lan, trái phép, làm phương hại đến quyền và lợi ích của chủ thể dữ liệu trong thời gian qua tại Việt Nam và trên thế giới, việc nhìn nhận DLCN như một loại tài sản, hàng hóa, tác giả kiến nghị những điểm sau:

Một là, nên nhìn nhận dữ liệu cá nhân như một loại tài sản, hàng hóa

Ở Việt Nam, hiện tại, pháp luật đang chưa có các quy định cho phép khai thác giá trị kinh tế từ DLCN. Chúng ta đang tiến tới mục tiêu xây dựng Chính phủ

số và phát triển nền kinh tế số. Trong quá trình hòa nhập vào sự phát triển này, dữ liệu đã và đang trở thành một nguồn tài nguyên vô cùng giá trị. Theo đó, về nguyên tắc chúng ta cũng nên thay đổi cách tiếp cận về tư duy pháp lý từ chỗ coi quyền bảo vệ DLCN là quyền nhân thân thuần túy, chuyển sang tư duy nhận thức mới, khai thác giá trị kinh tế từ dữ liệu cá nhân, theo đó quyền đối với DLCN sẽ có bóng dáng của quyền đối với một loại tài sản – tài sản vô hình. Vì vậy cần nhiều hơn những văn bản quy phạm pháp luật quy định cụ thể về vấn đề chủ thể dữ liệu sẽ có quyền xem DLCN của mình như một loại tài sản và thực hiện việc giao dịch, trao đổi, tạo lập hợp đồng mua bán hàng hóa trên chính dữ liệu đó. Tuy nhiên, pháp luật cũng cần nêu rõ những loại thông tin nào trong dữ liệu cá nhân sẽ được xem là hàng hóa, những loại nào không là hàng hóa và không được phép giao dịch.

Hai là, hợp đồng mua bán dữ liệu cá nhân trong lĩnh vực thương mại

Trong trường hợp đã xác định DLCN là một loại tài sản, việc đặt ra những quy chuẩn cụ thể, rõ ràng hơn trong các văn bản quy phạm pháp luật về các vấn đề liên quan, phát sinh trong quan hệ hợp đồng của các bên đối với việc mua, bán DLCN như một loại hàng hoá trong lĩnh vực thương mại là vô cùng cần thiết. Vì DLCN là một loại hàng hóa vô cùng đặc biệt, như ở phía trên đã phân tích, cho nên, việc giao dịch, cũng như hợp đồng mua bán loại dữ liệu này cũng cần những điểm đặc biệt nhằm bảo đảm được lợi ích cho các bên.

Vì thế, nhóm nghiên cứu đề xuất có thể lập thành những hợp đồng mẫu để các chủ thể dữ liệu đảm bảo quyền và lợi ích của họ trong giao dịch này, tránh tốn chi phí cho việc thuê tư vấn, soạn thảo hợp đồng. Nhìn chung, các hợp đồng mẫu này nên chứa các điều khoản chi tiết như giới hạn việc xử lý DLCN, phạt vi phạm nếu bên mua xử lý dữ liệu sai so với thỏa thuận, cách thức xử lý nếu xảy ra trường hợp bất khả kháng đồng thời đưa ra những quyền và nghĩa vụ bắt buộc của các bên khi tham gia vào quan hệ mua, bán DLCN này. Ngoài ra, một điều khoản “đặc thù” cũng cần được đưa vào đó là sự đồng ý hoặc không đồng ý của chủ thể dữ liệu cho phép bên mua tiếp tục bán cho bên thứ ba, kéo theo đó là điều khoản bồi thường thiệt hại nếu việc rút lại sự đồng ý gây thiệt hại một cách trực tiếp và rõ ràng cho bên mua.

Ba là, nâng cao nhận thức của chủ thể dữ liệu về dữ liệu cá nhân

Cần xây dựng khung pháp lý phù hợp để định giá giá trị của DLCN nhằm giúp các chủ thể dữ liệu nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của dữ liệu này với bản thân họ, giúp những chủ thể này khai thác được tối đa giá trị lợi ích về kinh tế đối với dữ liệu của họ. Việc định giá cho giá trị của DLCN là vô cùng quan trọng, mặc dù mua, bán là sự tự do thỏa thuận giữa các bên, tuy nhiên, cần có một khung giá cho giá trị của DLCN giúp các chủ thể có căn cứ để định giá dữ liệu của mình, tạo ra một thị trường giảm thiểu các hiện tượng như bán phá giá hoặc định giá quá cao, không đúng với giá trị thực mà nó mang lại, chung quy lại nhằm giảm thiểu thất bại thị trường. Bên cạnh đó, Nhà nước cần tổ chức và thông tin nhiều hơn về các chương trình giáo dục nhằm nâng cao nhận thức cho chủ thể dữ liệu về giá trị, tầm quan trọng của DLCN và về các nguy cơ tiềm ẩn của việc chia sẻ, buôn bán một cách tràn lan thông tin cá nhân của mình trên các diễn đàn trực tuyến hay cho các đối tượng không có danh tính công khai, rõ ràng. Từ đó, giúp họ nhận biết các cách thức và phương pháp tiềm năng mà tội phạm mạng có thể sử dụng để đánh lừa họ.

Bốn là, hoàn thiện khung pháp lý về bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân

Ở Việt Nam hiện nay, ngoài Nghị định 13/2023/NĐ-CP thì vẫn chưa có bất kỳ một văn bản hướng dẫn thi hành cụ thể nào về vấn đề bảo vệ quyền đối với DLCN. Bên cạnh đó, Việt Nam cũng chưa có một văn bản pháp luật thống nhất nào điều chỉnh các vấn đề liên quan đến việc chúng ta nên công nhận DLCN là một loại tài sản có thể trao đổi mua, bán như một loại hàng hoá trong hoạt động thương mại và công nhận quyền đối với DLCN là một quyền tài sản. Vì vậy, chúng ta cần xây dựng một hệ thống văn bản pháp luật riêng, hoàn chỉnh, thống nhất hơn về quyền đối với DLCN trên không gian mạng nhằm hoàn thiện và nâng cấp các khung pháp lý về quản lý và bảo vệ DLCN. Từ đó, đảm bảo cho các cơ quan chức năng có đủ cơ sở và thẩm quyền để xử lý và truy cứu pháp lý đối với các hành vi đánh cắp và mua, bán tràn lan DLCN của người khác một cách bất hợp pháp trên không gian mạng như hiện nay.

Một số vấn đề và thách thức pháp lý đặt ra khi tài sản hóa dữ liệu cá nhân:

Thông qua việc ban hành Nghị định số 13/2023/NĐ-CP quy định về Bảo vệ dữ liệu cá nhân, phải chăng pháp luật cần có cách nhìn nhận mới đối với dữ liệu số, đặc biệt dữ liệu cá nhân. Cụ thể, trong nền kinh tế số việc sở hữu dữ liệu cá nhân đã và đang ngầm mang lại lợi ích kinh tế cho các chủ thể là công ty công nghệ. Năm 2009, Meglena Kuneva, phát biểu với tư cách là Ủy viên Bảo vệ Người tiêu dùng Châu Âu, đã so sánh dữ liệu cá nhân với dầu mỏ, để minh họa cách thông tin liên quan đến các cá nhân đã trở thành tài sản quan trọng trong nền kinh tế kỹ thuật số. Vào năm 2011, diễn đàn Kinh tế Thế giới đã nhận định rằng dữ liệu cá nhân trong môi trường số thường được mô tả là tài nguyên của tương lai, thậm chí là “loại tài sản mới”. Lượng dữ liệu cá nhân tăng lên ô ạt “đang tạo ra một làn sóng cơ hội mới cho kinh tế và xã hội”.

Trên thế giới, các doanh nhân từ lâu đã hiểu rằng hồ sơ người dùng là tài sản quan trọng nhất trong nền kinh tế thông tin. Các nền tảng mạng xã hội trực tuyến xây dựng mô hình kinh doanh của họ hoàn toàn trên loại tài sản này. Theo thời gian, thị trường mua bán thông tin cá nhân của người dùng ngày càng nở rộ. Tại Hoa Kỳ, theo một nghiên cứu về đo lường, quản trị và định giá dữ liệu kỹ thuật số của Big Tech, chính “người dùng”, “sự tương tác của người dùng” và “quyền truy cập vào người dùng” được biến thành tài sản thông qua việc chuyển đổi hiệu quả dữ liệu cá nhân thành các chỉ số người dùng có thể đo lường và dễ đọc. Do đó, đã có nhiều giao dịch mua lại các nền tảng diễn ra, như vào năm 2012, Facebook đã mua lại Instagram với giá 1 tỷ đô la, không chỉ vì số lượng người dùng, mà còn đặc biệt là vì “sự tương tác của người dùng” trên Instagram đã vượt qua các trang mạng xã hội khác. Một báo cáo của Boston Consulting Group (2012) dự đoán rằng các lĩnh vực tận dụng dữ liệu cá nhân sẽ vượt lên dẫn trước phần còn lại của nền kinh tế và tạo ra 1 nghìn tỷ euro lợi nhuận doanh nghiệp ở Châu Âu vào năm 2020.

Có thể thấy rằng những thị trường này sẽ không tồn tại nếu người dùng không cung cấp nhiều thông tin cá nhân của họ, tuy nhiên chính những người dùng lại không được yêu cầu ngồi vào bàn đàm phán về việc mua, bán thông tin của họ, ngược lại họ cung cấp thông tin một cách tự nguyện. Vì mọi người

thường cung cấp thông tin miễn phí nên thoát nhìn có vẻ như họ hầu như không coi trọng thông tin cá nhân của mình hoặc không biết rằng thông tin này cấu thành như một loại tài sản. Câu hỏi được đặt ra rằng, tại sao mọi người chia sẻ quá nhiều và dường như không coi trọng thông tin cá nhân của họ, nhưng sau đó lại bày tỏ những lo ngại nghiêm trọng về quyền riêng tư trên thị trường này? Nghiên cứu đã đưa ra giả thiết rằng, những lo ngại về quyền riêng tư chỉ diễn ra khi có nhận thức về sự tồn tại của một thị trường hoặc ý thức về tài sản đối với thông tin cá nhân đó. Tại thời điểm mọi người có đủ cơ sở để biết rằng thông tin cá nhân của họ thực sự được giao dịch như một tài sản, quyền riêng tư trở thành động lực quan trọng đối với việc định giá thông tin cá nhân.

Các doanh nghiệp hay công ty công nghệ thường sử dụng dữ liệu cá nhân cho nhiều mục đích khác nhau và thông qua đó có thể giúp: giảm chi phí tìm kiếm sản phẩm thông qua bộ lọc dịch vụ được cá nhân hóa và cộng tác; giảm chi phí giao dịch cho chính họ và cho người tiêu dùng; tiến hành phân tích rủi ro đối với khách hàng; và tăng lợi tức quảng cáo thông qua việc nhắm mục tiêu quảng cáo tốt hơn. Dữ liệu cá nhân cũng có thể trở thành vốn chiến lược cho phép các doanh nghiệp thu được thông tin tình báo thị trường vượt trội hoặc cải thiện các hoạt động hiện có. Có thể thấy rằng, đây là một điểm bất cân xứng, khi chủ thể là các bên kiểm soát lưu giữ dữ liệu có thể thu được lợi nhuận thông qua việc nắm giữ một khối lượng dữ liệu cá nhân nhất định, nhưng ngược lại, chính những chủ thể dữ liệu đã trao dữ liệu của mình lại không được trả phí cân xứng so với lợi ích lớn hơn rất nhiều của bên nắm giữ đạt được.

Thực tế, mặc dù pháp luật Việt Nam chưa cho phép nhưng đã và đang ngầm tồn tại thị trường dữ liệu không chính thức. Xem xét từ kinh nghiệm lập pháp trên thế giới, để đòi hỏi việc theo kịp với sự phát triển không ngừng trong kỷ nguyên số của khoa học công nghệ, pháp luật Việt Nam phải chăng nên cân nhắc đến việc: Có nên coi dữ liệu cá nhân là một loại tài sản mới hay không? Và việc hình thành một cơ chế kiểm soát cần được xây dựng như thế nào để tránh được mối lo ngại về sự độc quyền trong thị trường dữ liệu, và sự xung đột với các quyền nhân thân khác? Có nhiều ý kiến cho rằng, dữ liệu cá nhân cần được

coi như là một dạng tài sản phi truyền thống, vì nó đã và đang thực sự tạo ra các giá trị thương mại rất lớn trong nền kinh tế số, hơn nữa việc ghi nhận nó là tài sản cũng nhằm có các biện pháp bảo vệ được đầy đủ hơn.

Theo quan điểm của nhóm tác giả, nhìn từ cả hai góc độ kinh tế và góc độ pháp luật, dữ liệu cá nhân có đặc điểm của một hàng hóa thông tin không có tính cạnh tranh và không thể loại trừ. Vì bản chất của dữ liệu là vô tận, dễ bị sao chép và có tính xuyên biên giới trên hết cần có sự đảm bảo cân bằng giữa việc chia sẻ và bảo vệ dữ liệu cá nhân. Với sự tiến bộ của công nghệ, việc phân biệt giữa những tài sản mang tính chất vật lý và tài sản vô hình không còn dễ dàng nữa. Ranh giới vật lý từng bảo vệ tài sản trên không gian mạng giờ đây là một đám mây tượng hình, nơi tất cả dữ liệu, thông tin và cuộc sống của họ có thể dễ dàng được tập hợp lại với nhau. Và cũng không thể phủ nhận rằng, có sự tồn tại của một thị trường có sự tham gia của các công ty công nghệ và bên thứ ba, các công ty này cũng có thể khai thác dữ liệu cá nhân bằng cách bán nó. Cơ chế bảo vệ dữ liệu theo hướng tiếp cận hiện nay tất yếu sẽ tạo nên rào cản chuyển đổi số của doanh nghiệp công nghệ vì vẫn còn sự xung đột giữa quyền riêng tư cá nhân người dùng và quyền sở hữu của doanh nghiệp trong hoạt động này. Do đó đối với pháp luật Việt Nam, đặt nhu cầu cấp bách cũng như những thách thức nhất định, trong việc xây dựng khung pháp lý hoàn chỉnh, đảm bảo sự hài hòa giữa pháp luật về quyền tài sản và các quyền nhân thân khác đối với dữ liệu. Vì khi nhìn từ thực tiễn trên thế giới, cấu trúc của luật pháp EU đặt ưu tiên cho các quyền cơ bản hơn luật pháp quốc tế. Vì vậy, EU không thể đàm phán các điều khoản về luồng dữ liệu trong thương mại liên quan đến các thỏa thuận làm tổn hại đến các tiêu chuẩn bảo vệ dữ liệu cao của nó.

Nhiều cuộc tranh luận gần đây tiếp tục diễn ra, có thể sẽ có hai xu hướng mới được pháp điển hóa trong tương lai. Một là, luật pháp cần hơn một sự đồng thuận thật sự thay vì chỉ đơn giản là một cú nhấp “chấp nhận” vì trên thực tế không ít người dùng đã phải bỏ qua bộ quy tắc rất dài và phức tạp, và đều được soạn sẵn bởi bên đề nghị, để dễ dàng tiến đến nhấp chuột chấp nhận. Hai là, việc nắm giữ dữ liệu cá nhân của người dùng chỉ được xem là hợp lý nếu đó là yêu

cần cần thiết về mặt kỹ thuật để vận hành ứng dụng hay thiết bị. Đặc biệt, ngay cả khi câu trả lời là không thì cũng có thể điều đó xảy ra ở tình huống mà người dùng lơ đãng hay bỏ qua các mối bận tâm về nguy cơ rủi ro đối với thông tin cá nhân. Thậm chí, trên thực tế tình huống này xảy ra có tính “xu hướng.” Lúc đó, cú nhấp chuột “chấp nhận” như vừa nói rõ ràng đã không phản ánh đầy đủ các hàm ý của nó.

5.2. Đề xuất về một số vấn đề mở để hoàn thiện luật bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Thứ nhất, khung pháp lý hiện hành vẫn chưa có sự điều chỉnh tương xứng với sự xuất hiện ngày càng nhiều giao dịch liên quan đến việc thu thập dữ liệu trên không gian mạng, do đó pháp luật Việt Nam nên quy định theo hướng công nhận dữ liệu số hay dữ liệu cá nhân là một loại tài sản. Nếu pháp luật không thay đổi theo hướng công nhận dữ liệu là một loại tài sản sẽ đi ngược với sự vận động của xã hội trong kỷ nguyên số hiện nay. Bản chất khi thiết lập khung quy định này không chỉ làm nâng cao về mặt nhận thức của mỗi cá nhân về vấn đề bảo vệ dữ liệu, mà còn khiến cho các chủ thể là Bên kiểm soát (Bên xử lý dữ liệu) có những sự điều chỉnh nhất định khi tiến hành các hoạt động này. Một nghiên cứu đã chỉ ra rằng có sự xuất hiện của “tâm lý học về quyền sở hữu”, do đó khi và chỉ khi mỗi cá nhân có sự nhận thức về tính giá trị của dữ liệu mà họ nắm giữ, thì cá nhân đó sẽ có nhận thức bảo vệ cao hơn đối với mỗi dữ liệu cá nhân của mình. Pháp luật chỉ có thể hoạt động cùng với thực tế xã hội và công nghệ, nếu một số yêu cầu pháp lý nhất định đơn giản là không thể thi hành, thì cần phải tìm ra các giải pháp về thủ tục hoặc công nghệ hoặc thay đổi luật.

Thứ hai, việc hình thành khung pháp lý cần phải đảm bảo mối tương quan trong pháp luật về quyền tài sản và các quyền nhân thân khác đối với dữ liệu. Ranh giới giữa những gì được coi là tài sản truyền thống và tài sản phi truyền thống ở đây là dữ liệu dường như khó xác định vì dữ liệu của mỗi cá nhân như những “đám mây” tượng hình, nơi tất cả dữ liệu, thông tin và cuộc sống của họ có thể dễ dàng tập hợp lại. Do đó, cần phải có cơ chế xác định định giá giá trị của từng loại dữ liệu, điều kiện để dữ liệu trở thành một tài sản và cơ chế kỹ thuật đáp ứng yêu cầu lập pháp đối với loại tài sản này.

Thứ ba, trong nguyên tắc vận hành chung của một thị trường lành mạnh, khi một loại “hàng hóa” mới xuất hiện kéo theo một ngành kinh doanh phát triển nhanh, lợi nhuận lớn dễ dẫn đến hành vi độc quyền loại hàng hóa đó. Do đó, khi xây dựng cơ chế pháp lý xem dữ liệu như một loại hàng hóa, để tránh việc độc quyền khi xem xét tài sản hóa dữ liệu, cần làm rõ trách nhiệm của cơ quan quản lý dữ liệu, quyền và nghĩa vụ của các bên liên quan. Bên cạnh đó, cần thiết lập cơ chế giám sát lưu thông dữ liệu nhằm ngăn chặn việc độc quyền dữ liệu và các giao dịch bất hợp pháp, từ đó đảm bảo được sự phát triển lành mạnh của thị trường.

KẾT LUẬN

Thông qua bài nghiên cứu, chúng ta có thể thấy rằng, việc xem DLCN như một đối tượng của quyền nhân thân, có thể đã dẫn đến những hạn chế đối với quyền lợi của chủ thể dữ liệu. Bởi trong nền kinh tế số hiện nay, DLCN đóng vai trò vô cùng quan trọng và là nguồn tài nguyên có thể đem đến nhiều lợi ích kinh tế cho chủ thể dữ liệu. Từ những lập luận của bài nghiên cứu dựa trên phân tích lý thuyết tài sản, những đặc điểm của DLCN, nhóm tác giả có thể đưa ra được nhận định rằng, nên coi DLCN là một loại tài sản. Và từ một loại tài sản, DLCN hoàn toàn có thể trở thành hàng hóa đặc biệt được đưa vào mua bán trong lĩnh vực thương mại. Cần lưu ý rằng việc giao dịch, mua bán DLCN không hoàn toàn tương đồng với các hàng hóa khác, bản chất của hợp đồng mua bán này là chuyển giao một phần quyền sở hữu (quyền chiếm hữu, quyền định đoạt) mà không phải toàn bộ quyền sở hữu như hàng hóa thông thường nhằm đảm bảo quyền lợi cho chủ thể dữ liệu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Bộ luật Dân sự 2015

California Consumer Privacy Act General Data Protection Regulation Luật An toàn thông tin mạng 2015

Luật Thương mại 2005, sửa đổi năm 2017, 2019 Nghị định 13/2023/NĐ-CP về bảo vệ dữ liệu cá nhân

Thông tư số 06/2014/TT-BTC về ban hành tiêu chuẩn thẩm định giá số 13

An, C. (2019). *Facebook vẫn làm lộ dữ liệu người dùng*. vnexpress.net. Truy cập Tháng Tám 9, 2023, từ <https://vnexpress.net/facebook-van-lam-lo-du-lieu-nguoi-dung-4008317.html>

Anh, B. (2018). *Facebook bị phạt 645.000 USD vì làm lộ dữ liệu người dùng*. <https://vnexpress.net/facebook-bi-phat-645-000-usd-vi-lam-lo-du-lieu-nguoi-dung-3829647.html>

Bạch Thị Nhã Nam (2022), Hoàn thiện pháp luật về bảo vệ dữ liệu cá nhân, *Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 05 (453), tháng 03/2022*. Truy cập tại: <http://lapphap.vn/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=211048>

Bartow, A. (1999). Our date, ourselves: Privacy, propertization, and gender. *USFL Rev.*, 34, 633.

Davis, K. E., & Marotta-Wurgler, F. (2019). Contracting for personal data. *NYUL Rev.*, 94, 662.

De Franceschi, A., & Lehmann, M. (2015). Data as tradeable commodity and new measures for their protection. *Italian LJ*, 1, 51.

Dương, Đ. (2019). *Lại lộ thông tin của 540 triệu tài khoản người dùng Facebook*. <https://tuoitre.vn/lai-lo-thong-tin-cua-540-trieu-tai-khoan-nguoi-dung-facebook-2019040409175386.htm>

Giao, V. C., & Tuyền, L. T. N. (2020). *Bảo vệ quyền đối với dữ liệu cá nhân trong pháp luật quốc tế, pháp luật ở một số quốc gia và giá trị tham khảo cho Việt Nam*. Truy cập tại: <http://lapphap.vn:80/Pages/tintuc/tinchitiet.aspx?tintucid=210546>

Hải, Đ. T. N. (2018, Tháng Tám 14). *Chế định tài sản và quyền sở hữu trong pháp luật dân sự Việt Nam*. <http://moj.gov.vn/qt/tintuc/Pages/nghien-cuu-trao-doi.aspx?ItemID=2361>

Halcu, B. (2016). *Personal Data: The New “Oil” of The Digital Economy* | Article / Chambers and Partners. <https://chambers.com/articles/personal-data-the-new-oil-of-the-digital-economy>

Hacker rao bán 'dữ liệu trường học của 30 triệu người Việt'—VnExpress Số hóa. (2022, Tháng Bảy 12). <https://vnexpress.net/hacker-rao-ban-du-lieu-truong-hoc-cua-30-trieu-nguoi-viet-4486789.html>

Huy Q., & Cường T. (2022). *Phá 2 đường dây mua bán trái phép thông tin cá nhân, thu lời bất chính tiền tỉ.* <https://thanhnien.vn/pha-2-duong-day-mua-ban-trai-phep-thong-tin-ca-nhan-thu-loi-bat-chinh-tien-ti-1851517100.htm>

Janeček, V., & Malgieri, G. (2020). Commerce in data and the dynamically limited alienability rule. *German Law Journal*, 21(5), 924-943.

Metzger, A. (2020). A market model for personal data: State of play under the new directive on digital content and digital services. *Data as Counter-Performance—Contract Law 2.0*.

Mousourakis, G. (2015). *Roman law and the origins of the civil law tradition*: Springer.

Nguyễn, D. K. T., Tứ, H. T., Khanh, L. T., & Dũng, M. N. (2021). Cải cách pháp luật đáp ứng nhu cầu bảo vệ dữ liệu cá nhân trong chuyển đổi số. In *Kinh tế Việt Nam trên con đường chuyển đổi số*. Trường Đại học Kinh tế Tp. Hồ Chí Minh.

Sơn L. (2021). *Cần coi dữ liệu cá nhân là một loại tài sản phi truyền thống.* [baochinhphu.vn. https://baochinhphu.vn/can-coi-du-lieu-ca-nhan-la-mot-loai-tai-san-phi-truyen-thong-102293775.htm](https://baochinhphu.vn/can-coi-du-lieu-ca-nhan-la-mot-loai-tai-san-phi-truyen-thong-102293775.htm)

Thảo, T. (2021). *TikTok đối mặt cáo buộc thu thập thông tin cá nhân của hàng triệu trẻ em tại Anh.* BAO DIEN TU VTV. <https://vtv.vn/news-20210422120620451.htm>

Thúy, T., & Sum, N. (2023). *CATP Đà Nẵng bóc gỡ đường dây thu thập, mua bán trái phép thông tin tài khoản ngân hàng-Chi tiết tin-Công An Đà Nẵng.*